

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43A/2024/QĐXX-ST ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ H, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Hà Thế A, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Xóm I, thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị P1 mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Thế A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng P2 yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hồng P kết hôn với anh Hà Thế A1 cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/11/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh Thế A tại

thôn N, xã Đ. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi cự lẫn nhau. Gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị và anh Thế A đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Thế A.

Về con chung: Chị Bùi Thị Hồng P trình bày chị và anh Hà Thế A không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn anh Hà Thế A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên không thể hiện quan điểm.*

- *Tại biên bản xác minh với ông Hà Văn H (bố đẻ của anh Hà Thế A) thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh Hà Thế A và chị Bùi Thị Hồng P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông ở thôn N, xã Đ, thành phố T một thời gian ngắn, sau đó chị P làm việc ở Hà Nội và có đi đi về về, còn anh Thế A vẫn sống tại gia đình. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nhưng cụ thể mâu thuẫn vấn đề gì thì ông không biết. Gia đình cũng muốn vợ chồng anh chị hoà thuận, hạnh phúc nhưng chị P lạnh nhạt với anh Thế A. Nay chị P xin ly hôn, gia đình đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn để giải phóng cho hai bên.

Về con chung: Anh Thế A và chị P không có con chung.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung.

Anh Thế A vẫn sinh sống tại gia đình, các văn bản tố tụng của Toà án gửi cho anh Thế A gia đình đã nhận được vào đã giao lại cho anh Thế A.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn N, thành phố T thể hiện:* Vợ chồng anh Thế A và chị P kết hôn hợp pháp vào năm 2019. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ của anh Thế A ở xóm I, thôn N. Quá trình chung sống giữa anh Thế A và chị P có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được. Việc chị P xin ly hôn anh Thế A, cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Thế A và chị P không có con chung; anh chị không có vay nợ gì đối với các đoàn thể ở địa phương.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không

những tự tước bỏ quyền của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Bùi Thị Hồng P và anh Hà Thế A là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, thành phố T, tỉnh T nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Bùi Thị Hồng P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Thế Anh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn... nhưng anh Thế A vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị P và anh Thế A là hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra cãi cự nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị P xin ly hôn nhưng anh Thế A không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm, điều đó chứng tỏ anh Thế A có thiện chí hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh Thế A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị P được ly hôn anh Thế A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Hồng P và gia đình anh Hà Thế A cũng như cơ sở thôn N, xã Đ, thành phố T đều xác nhận: Chị P và anh Thế A không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Thế A không bày tỏ quan điểm nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Hồng Phượng phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị Hồng P được ly hôn anh Hà Thế A.

2. *Về quan hệ con chung:* Chị Bùi Thị Hồng P và anh Hà Thế A không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Hồng P nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001382 ngày 23/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chị Phượng đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Bùi Thị Hồng P và anh Hà Thế A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phượng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- UBND xã Đông Hoà, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phượng

